

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	834214	Các quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường	3	19	Dương Thị Giáng Hương	10398	01		3	1	3	C.B006	DCM1251	123456789-----
2			3	19	Dương Thị Giáng Hương	10398			4	1	2	C.B002	DCM1251	123456789-----
3	834215	Các quá trình hóa - lý trong kỹ thuật môi trường	3	19	Bùi Mạnh Hà	10646	01		2	9	2	2.C003	DCM1251	123456789012-----
4			3	19	Bùi Mạnh Hà	10646			5	9	2	2.C003	DCM1251	123456789012-----
5	834218	Đồ án xử lý khí thải	3	21	Nguyễn Thị Tuyết Nam	10906	01		3	6	3	2.C003	DCM1241	123456-890-----
6			3	21	Nguyễn Thị Tuyết Nam	10906			6	1	2	C.B004	DCM1241	123456-890-----
7	834341	Nguyên lý và vận hành hệ thống xử lý nước và nước thải	3	21	Nguyễn Văn Trục	11499	01		4	6	2	2.C003	DCM1241	123456-890-----
8			3	21	Nguyễn Văn Trục	11499			6	6	3	C.A110	DCM1241	123456-890-----
9	834402	Công nghệ sinh học môi trường	3	30	Vũ Hoàng Danh	11743	01		4	4	2	C.A110	DCM1261	123456789-----
10			3	30	Vũ Hoàng Danh	11743			6	1	3	C.B006	DCM1261	123456789-----
11	834404	Vật lý môi trường	3	30	Lê Công Nhân	10795	01		5	4	2	C.B006	DCM1261	123456789-----
12			3	30	Lê Công Nhân	10795			6	6	3	C.B006	DCM1261	123456789-----
13	834405	Thực hành kỹ thuật phân tích môi trường 1	2	19	Dương Thị Giáng Hương	10398	01		2	1	5	C.A508	DCM1251	123456789012-----
14	834406	Vẽ kỹ thuật môi trường	4	21	Bùi Mạnh Hà	10646	01		2	6	3	2.C003	DCM1241	123456-8901-----
15			4	21	Bùi Mạnh Hà	10646			5	6	3	2.C003	DCM1241	123456-8901-----
16	834408	Năng lượng tái tạo	3	30	Lê Công Nhân	10795	01		5	1	3	C.B006	DCM1261	123456789-----
17			3	30	Lê Công Nhân	10795			6	9	2	C.B006	DCM1261	123456789-----
18	834421	Tài nguyên khoáng sản và phát triển bền vững	3	26	Nguyễn Thị Hoa	10907	01		6	8	3	C.B002	DCM1231	123456789012345---
19	834432	Đồ án xử lý nước	4	26	Nguyễn Văn Trục	11499	01		5	4	2	2.C003	DCM1231	123456789012345---
20			4	26	Nguyễn Văn Trục	11499			6	1	2	C.A110	DCM1231	123456789012345---

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
21	834433	Các phương pháp oxy hóa nâng cao trong xử lý nước thải	4	22	Phạm Nguyễn Kim Tuyền	10397	01		2	3	3	C.B006	DCM1231	123456-890123-----
22			4	22	Phạm Nguyễn Kim Tuyền	10397			3	4	2	C.A110	DCM1231	123456-890123-----
23	834435	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	4	19	Nguyễn Văn Trục	11499	01		4	8	3	2.C003	DCM1251	123456789012-----
24			4	19	Nguyễn Văn Trục	11499			6	9	2	C.A110	DCM1251	123456789012-----
25	834438	Kỹ thuật lò đốt chất thải	4	26	Nguyễn Thị Hoa	10907	01		4	1	2	C.B006	DCM1231	123456789012345---
26			4	26	Nguyễn Thị Hoa	10907			6	6	2	C.B002	DCM1231	123456789012345---
27	834441	Đồ án xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	4	21	Nguyễn Văn Trục	11499	01		5	1	3	2.C003	DCM1241	123456-8901-----
28			4	21	Nguyễn Văn Trục	11499			6	3	3	C.A110	DCM1241	123456-8901-----
29	834451	Thực tế chuyên môn 2 (DKM)	2	43	Khoa học môi trường	ND34	01		0	0	5		DCM1241,DCM1231	-----7-----
30	834458	Bố trí thí nghiệm và thống kê môi trường	3	19	Nguyễn Thị Hoa	10907	01		4	3	3	C.B006	DCM1251	123456789-----
31			3	19	Nguyễn Thị Hoa	10907			6	4	2	C.B006	DCM1251	123456789-----
32	861301	Triết học Mác - Lênin	3	120	Phạm Đào Thịnh	11007	02		2	6	3	C.B107	DCM1261	123456789-----
33			3	120	Phạm Đào Thịnh	11007			4	1	2	C.C103	DCM1261	123456789-----
34	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	50	Trần Ngọc Cương	10445	04		3	8	3	C.S_A03	DCM1261	1234567890-----
35	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	120	Nguyễn Văn Úy	11746	02		4	6	3	C.E502	DCM1261	123456789-----
36			3	120	Nguyễn Văn Úy	11746			7	4	2	C.B108	DCM1261	123456789-----
37	864002	Xác suất thống kê B	3	120	Trần Sơn Lâm	10145	01		2	1	4	C.C106	DCM1261	12345678901-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu